

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28-8-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường Giang

2. Ông Lý Trung Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 3-Lào Cai.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3-Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2025/TLST-HNGĐ ngày 05-8-2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19-8-2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Giàng Thị T, sinh năm 2004 (có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã M, tỉnh Lào Cai

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Giàng Thị T: Ông Trần Quang Đ - luật sư Công ty L- Đoàn luật sư tỉnh P. (có mặt).

Địa chỉ: Số E, S, khu đô thị C, phường V, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Mùa A P, sinh năm 2002 (có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn S, xã M, tỉnh Lào Cai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05- 08-2025, bản tự khai, nguyên đơn chị Giàng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2018, chị bị anh Mùa A P bắt về làm vợ theo phong tục của người Mông. Sau khi bắt chị về làm vợ, chị và anh Mùa A P ở chung với bố mẹ đẻ của Mùa A P. Do là cuộc hôn nhân bị cưỡng bức, kết hôn chưa đủ tuổi nên giữa chị và anh Mùa A P không có tình cảm, không có hạnh phúc. Ngày 03 tháng 01 năm 2023, chị và anh Mùa A P mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái (nay là xã M, tỉnh Lào Cai). Trong thời gian chung sống giữa chị và anh Mùa A P thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chị với anh Mùa A P bất đồng về quan điểm sống. Anh Mùa A P thường xuyên đánh đập, chửi bới, không quan tâm đến chị và các con, thậm chí còn dọa giết chị... Chính sự đối xử tệ bạc này của anh Mùa A P đã dẫn đến chị bị suy dinh dưỡng và bị trầm cảm kéo dài. Chị đã phải đi điều trị bệnh trầm cảm suốt từ tháng 5 năm 2024 đến hết

tháng 11 năm 2024. Bản thân anh Mùa A P là người lười lao động, lại ham chơi... Việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung phần lớn là do chị lo liệu. Mặc dù cả hai vợ chồng đã cố gắng thay đổi và đã được hai bên gia đình rất nhiều lần khuyên bảo nhưng đến nay tình cảm vợ chồng cũng không thể cải thiện được. Từ tháng 02 năm 2025 chị đã mang theo con nhỏ bỏ nhà đi không còn chung sống với anh P. Chị nhận thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này được nữa, nếu cứ tiếp tục chung sống chỉ mang lại khổ đau cho cả hai người. Chính vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mùa A P.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Mùa Vĩnh H, sinh ngày 27/09/2019 và Mùa Mai H1, sinh ngày 15/05/2023. Ly hôn, chị có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mùa Mai H1, sinh ngày 15/05/2023, giao cháu Mùa Vĩnh H cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/8/2025 anh Mùa A P trình bày: Anh và chị Giàng Thị T được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái vào tháng 01 năm 2023. Sau khi kết hôn chị T về chung sống cùng anh theo phong tục, tập quán của dân tộc anh, có được tổ chức lễ cưới, có sự đồng thuận của hai bên gia đình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì chị T bị bệnh phải đưa đi điều trị ở nhiều nơi. Sau khi khỏi bệnh chị T bỏ nhà đi về Vĩnh Phúc làm việc và không muốn quay về nhà nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nhưng nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh, chị có hai con chung là Mùa Vĩnh H, sinh ngày 27/09/2019 và Mùa Mai H1, sinh ngày 15/05/2023. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu Mùa Vĩnh H và giao cháu Mùa Mai H1 cho chị T nuôi dưỡng không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân khu vực 3-Lào Cai đã ra thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Mùa A P. Anh P cho biết hiện nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn, đường xá đi lại không thuận tiện, không có phương tiện nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Do anh P không có mặt theo thông báo của Tòa án. Chị T làm đơn đề nghị Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Giàng Thị T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị T; Xử cho chị Giàng Thị T được ly hôn anh Mùa A P. Giao con là Mùa Vĩnh H, sinh ngày 27/09/2019 cho anh Mùa A P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; Giao con là Mùa Mai H1, sinh ngày 15/05/2023 cho chị Giàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Mùa A P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã M, tỉnh Lào Cai. Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3-Lào Cai.

Nguyên đơn chị Giàng Thị T và anh Mùa A P đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Giàng Thị T và anh Mùa A P về chung sống với nhau từ năm 2018 theo phong tục của người dân tộc Mông. Đến năm 2023 khi đủ tuổi đăng ký kết hôn thì chị T và anh P đã đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị Giàng Thị T cho rằng chị bị anh P bắt về làm vợ, do đó hai vợ chồng không có tình cảm với nhau, anh P thường xuyên đánh đập chị dẫn đến chị bị trầm cảm phải đưa đi điều trị. Anh Mùa A P cho rằng khi về ở với nhau cả hai bên đều tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Năm 2024 chị T bị bệnh phải đưa đi điều trị nhiều nơi, sau khi khỏi bệnh chị T đã bỏ nhà đi làm ăn ở Vĩnh Phúc không còn về gia đình nữa. Từ những lời khai của chị T và anh P cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh P thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ cho chị T được ly hôn anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh, chị có hai con chung là Mùa Vĩnh H, sinh ngày 27/09/2019 và Mùa Mai H1, sinh ngày 15/05/2023. Hiện nay cháu Mùa Vĩnh H đang ở cùng anh P, cháu Mùa Mai H1 dưới 36 tháng tuổi đang ở cùng chị T. Do đó để đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của con chưa thành niên cần giao cháu Mùa Vĩnh H, sinh ngày 27/09/2019 cho anh Mùa A P trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Mùa Mai H1, sinh ngày 15/05/2023 cho chị Giàng Thị T nuôi dưỡng. Anh, chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Giàng Thị T và anh Mùa A P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Giàng Thị T và anh Mùa A P đã thống nhất được với nhau về việc ly hôn nên mỗi bên phải chịu 25% mức án phí không có giá ngạch là 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội và khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Giàng Thị T có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị T được ly hôn anh Mùa A P.

2. Về con chung: Giao con là Mùa Vĩnh H, sinh ngày 27/09/2019 cho anh Mùa A P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; Giao con là Mùa Mai H1, sinh ngày 15/05/2023 cho chị Giàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Mùa A P phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (anh P chưa nộp); Chị Giàng Thị T phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000543 ngày 5-8-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai; chị Giàng Thị T được trả lại 225.000 (hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

4. Quyền kháng cáo: Chị Giàng Thị T và anh Mùa A P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND khu vực 3;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- UBND xã Mỏ Vàng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

đã ký

Mai Thị Thu Hương